

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-PT

Ngày: 11-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công
và yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Lực

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLPT-KDTM, ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 57/TB-TA ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trung tâm P thuộc Sở T tỉnh Vĩnh Long do ông Đặng Hữu D, Giám đốc làm đại diện (vắng mặt)

Trụ sở: Số 60Q, đường P, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Hữu D: Ông Võ Chánh T, Trưởng phòng Phòng K Trung tâm P “Theo văn bản ủy quyền ngày 15-5-2020” (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Văn H, là Luật sư của Văn phòng luật sư Dương Văn H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG V (tên viết tắt V) do ông Nguyễn Văn H, Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty làm đại diện (vắng mặt).

Trụ sở: Ấp S, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1992; địa chỉ số 200, đường P, khóm 2, phường 7, thành phố T, tỉnh Trà Vinh “Theo văn bản ủy quyền ngày 10-10-2018” (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, là Luật sư của Văn phòng luật sư Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ chi nhánh Trà Vinh do ông Phạm Ngọc L, Giám đốc làm đại diện (vắng mặt).

Trụ sở: Số 02B, đường L, khóm 3, phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Phạm Ngọc L: Ông Phạm Trường T, Trưởng phòng Phòng K “Theo văn bản ủy quyền ngày 10-10-2019” (có mặt).

2. Công ty Cổ phần T tỉnh Vĩnh Long do ông Hoàng Minh T, Giám đốc làm đại diện (vắng mặt)

Trụ sở: Số 17, đường L, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người kháng cáo: Trung tâm P thuộc Sở T tỉnh Vĩnh Long là nguyên đơn và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng V là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2012, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 03 tháng 7 năm 2013 và ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Trung tâm P thuộc Sở T tỉnh Vĩnh Long; các lời khai của người đại diện hợp pháp của Trung tâm P thuộc Sở T tỉnh Vĩnh Long, anh Võ Chánh T trình bày: Trung tâm P thuộc Sở T tỉnh Vĩnh Long (sau đây viết tắt là Trung tâm P Vĩnh Long) được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long giao làm chủ đầu tư công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư - dịch vụ P, thuộc xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi thực hiện thủ tục chỉ định thầu, đấu thầu thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng V (sau đây viết tắt là Công ty V) đã trúng thầu. Ngày 20-5-2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long có Quyết định số 1099/QĐ.UB về việc phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu xây lắp số 02 thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư - dịch vụ P (giai đoạn 2) xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, hai bên tiến hành thỏa thuận, thương lượng và ký Hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12-6-2009.

Để bảo đảm thực hiện hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12-6-2009, Công ty V làm thủ tục ký gửi chứng thư bảo lãnh tại Ngân hàng Đ chi nhánh Trà Vinh số tiền bằng 1.277.669.000 đồng. Đồng thời, Trung tâm P Vĩnh Long cho Công ty V tạm ứng hai lần với tổng số tiền bằng 18.394.900.000 đồng. Sau khi phát lệnh khởi công công trình, Công ty V chỉ thi công được 35,2% trên diện tích đất mặt bằng đã giao, không thực hiện đúng tiến độ công trình; đơn vị giám sát nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Công ty V không khắc phục nên Trung tâm P Vĩnh Long ra quyết định xử phạt vi phạm hợp đồng hai lần với số tiền bằng 1.944.688.854 đồng (713.500.000đ + 1.231.188.854đ). Đến ngày 15-11-2010, Công ty V tự ý ngừng thi công và chuyển toàn bộ thiết bị, phương tiện thi công ra khỏi công trình nên Trung tâm P Vĩnh Long đề nghị Ngân hàng Đ chi nhánh Trà Vinh chuyển số tiền do Công ty V ký bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng cho Trung

tâm P Vĩnh Long. Đồng thời, Trung tâm P Vĩnh Long phải thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán; trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phần khối lượng còn lại của công trình, chi trả tiền thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư. Cho nên, Trung tâm P Vĩnh Long làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trung tâm P Vĩnh Long tổng cộng số tiền bằng 24.594.132.484 đồng, gồm các khoản như sau:

Hoàn trả khoản tiền vốn đã tạm ứng của Trung tâm P Vĩnh Long còn thừa bằng 5.414.545.174 đồng, yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 01-02-2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 9%/năm bằng 3.757.694.350 đồng.

Nộp tiền phạt hợp đồng bằng 1.944.688.854 đồng.

Bồi thường chi phí thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán bằng 70.134.000 đồng.

Thanh toán tiền trượt giá vật tư, nhân công do lập dự toán phần khối lượng còn lại chưa thi công bằng 11.425.070.106 đồng.

Trả tiền thuê nhà trọ cho các hộ dân thuộc diện tái định cư do kéo dài thời gian thi công công trình bằng 1.982.000.000 đồng.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 09-9-2013 của bị đơn Công ty V và các lời khai của người đại diện hợp pháp của bị đơn, anh Nguyễn Hoàng V trình bày: Công ty V thừa nhận có tạm ứng từ Trung tâm P Vĩnh Long hai lần với số tiền bằng 18.394.900.000 đồng. Công ty V đồng ý hoàn trả khoản tiền tạm ứng thừa cho Trung tâm P Vĩnh Long bằng 5.414.545.174 đồng và đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của Trung tâm P Vĩnh Long. Riêng khoản phạt hợp đồng số tiền bằng 1.944.688.854 đồng Trung tâm P Vĩnh Long tự khấu trừ vào giá trị công trình do Công ty V đã thi công thì Công ty V không đồng ý. Mặt khác, Trung tâm P Vĩnh Long còn tự ý đề nghị Ngân hàng Đ chi nhánh Trà Vinh chuyển tiền ký gửi bảo lãnh thực hiện công trình bằng 1.277.669.000 đồng cho Trung tâm P Vĩnh Long, là sai với nội dung hợp đồng đã ký kết. Do đó, Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trung tâm P Vĩnh Long hoàn trả số tiền bảo lãnh hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất là 9%/năm, thời gian tính từ ngày 15-9-2010 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Đ chi nhánh Trà Vinh, Phạm Trường T trình bày: Ngày 04-6-2009, Ngân hàng Đ chi nhánh Trà Vinh có phát hành chứng thư bảo lãnh số 20/BL-QHKH để thực hiện hợp đồng số 57/HĐ.TCXL, ngày 12-6-2009 giữa Trung tâm P Vĩnh Long và Công ty V, số tiền bảo lãnh là 1.277.669.000 đồng. Đến ngày 06-9-2010, Trung tâm P Vĩnh Long có Công văn số 115/TT-HCTH đề nghị Ngân hàng chuyển tiền bảo lãnh vào tài khoản của Trung tâm P Vĩnh Long. Ngày 15-9-2010, Công ty V đã nộp tiền vào tài khoản để Ngân hàng chuyển cho Trung tâm P Vĩnh Long đủ số tiền bằng 1.277.669.000 đồng. Do đó, Ngân hàng không còn bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến chứng thư bảo lãnh nêu trên.

Theo người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần T tỉnh Vĩnh Long, ông Nguyễn Thành T trình bày: Công ty Cổ phần T tỉnh Vĩnh Long là đơn vị tư vấn giám sát công trình xây dựng hạ tầng khu dân cư - dịch vụ P (giai đoạn 2) xã P,

huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng ký kết số 57/HĐ.TCXL, ngày 12-6-2009 giữa Trung tâm P Vĩnh Long và Công ty V. Sau khi Công ty V ngừng thi công thì Công ty Cổ phần T tỉnh Vĩnh Long tiến hành kiểm tra, đánh giá khối lượng công trình do Công ty V đã thi công hoàn thành, được chấp nhận quyết toán với số tiền bằng 12.980.354.826 đồng. Coi như Công ty Cổ phần T tỉnh Vĩnh Long đã thực hiện xong nhiệm vụ. Còn việc tranh chấp giữa V và Công ty V thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 97, Điều 147, Điều 244 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55 của Luật Đấu thầu năm 2005; các điều 69, 72, 75, 76, 80, 81, 107 và 110 của Luật Xây dựng năm 2003; các điều 4, 300, 302, 303, 304, 306, 311 và 319 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 305 và Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 14 và Điều 26 của Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trung tâm P Vĩnh Long.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền theo các yêu cầu khởi kiện bổ sung bị rút là 13.026.966.013 đồng (tức 8.400.736.331 đồng + 4.626.299.700 đồng) và phần lãi phát sinh đối với khoản tiền theo mức lãi suất là 9%/1 năm kể từ ngày 01-02-2012.

Ghi nhận và buộc Công ty V phải có nghĩa vụ trả cho Trung tâm P Vĩnh Long số tiền bằng 11.883.213.378 đồng, bao gồm:

- Tiền tạm ứng vượt là 5.414.545.174 đồng.
- Tiền lãi bằng 3.757.694.350 đồng.
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 1.944.688.854 đồng.
- Tiền hỗ trợ nhà trọ là 720.000.000 đồng.

Giao Trung tâm P Vĩnh Long số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (không phải trả lại cho Công ty V) bằng 1.277.669.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty V.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền theo các yêu cầu phản tố bị rút là 5.820.674.480 đồng (tức 710.000.000 đồng + 5.110.674.480 đồng) và phần lãi phát sinh đối với khoản tiền này theo mức lãi suất là 9%/năm kể từ ngày 01-02-2012.

Buộc Trung tâm P Vĩnh Long tính đủ khối lượng thi công cho Công ty V số tiền bằng 12.980.354.826 đồng, nhưng khoản tiền chênh lệch 1.944.688.854 đồng do Công ty V còn phải thực hiện nghĩa vụ thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Trung tâm P Vĩnh Long được tiếp tục giữ số tiền này để cản trừ nghĩa vụ của nhau khi thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tự nguyện thỏa thuận là 9%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07-11-2019, ông Đào Anh Xuân N là người đại diện hợp pháp của Trung tâm P Vĩnh Long làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc Công ty V phải bồi thường cho Trung tâm P Vĩnh Long tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán bằng 70.134.000 đồng. Buộc Công ty V phải bồi thường cho Trung tâm P Vĩnh Long tiền trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phân khối lượng còn lại chưa thi công bằng 11.425.407.106 đồng.

Ngày 08-11-2019, ông Nguyễn Văn H là người đại diện hợp pháp của Công ty V làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Trung tâm P Vĩnh Long đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 1.944.688.854 đồng và số tiền thuê nhà trọ bằng 720.000.000 đồng. Buộc Trung tâm P Vĩnh Long phải trả lại cho Công ty V số tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự, áp dụng án phí dân sự và tính lại án phí theo pháp luật quy định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Sau khi triển khai thực hiện hợp đồng số 57/HĐ.TCXL ngày 12-6-2009, Công ty V tiến hành thi công được một phần công trình tự ý ngừng thi công không có lý do và không thông báo cho Trung tâm P Vĩnh Long biết. Từ đó Trung tâm P Vĩnh Long phải bỏ thêm một khoản kinh phí bằng 70.134.000 đồng để thuê Công ty thẩm định tiến hành thẩm định khối lượng công trình; lập lại dự toán phân khối lượng còn lại chưa thi công, trượt giá vật tư, tiền nhân công nên bị thiệt hại số tiền bằng 11.425.470.106 đồng. Do Công ty V có lỗi và theo hợp đồng đã ký kết thì bên có lỗi phải bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Trung tâm P Vĩnh Long. Riêng phần bản án sơ thẩm buộc Trung tâm P Vĩnh Long tính đủ số tiền công trình do Công ty V đã thi công bằng 12.980.354.826 đồng, là không đúng vì số tiền phạt vi phạm hợp đồng bằng 1.944.688.854 đồng Trung tâm P Vĩnh Long không có quản lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Tòa án sơ thẩm buộc Công ty V nộp tiền phạt bằng 1.944.688.854 đồng là không đúng, vì nguyên đơn không giao trọn vẹn mặt bằng cho Công ty V, còn một số hộ dân chưa di dời nên lỗi thuộc về nguyên đơn; hơn thế nữa, khoản tiền này đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã trừ thẳng vào giá trị khối lượng công trình Công ty V đã thi công. Tòa án sơ thẩm buộc Công ty V chịu khoản tiền hỗ trợ thuê nhà ở cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án bằng 720.000.000 đồng là vượt phạm vi khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn không phải đơn vị được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Mặt khác, nguyên đơn yêu cầu bồi thường tiền trượt giá vật tư, nhân công hơn 11 tỷ đồng cũng không đúng thẩm quyền, vì nguyên đơn chỉ thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long mới có quyền quản lý tiền vốn đầu tư. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm giao khoản tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng cho nguyên đơn là không phù hợp với Điều 8 của thỏa thuận hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Vì

vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của nguyên đơn đối với số tiền bị thiệt hại hơn 11 tỷ đồng, thấy rằng Công ty V bỏ công trường không có lý do là có một phần lỗi; Trung tâm P Vĩnh Long không giao đủ mặt bằng cho Công ty V một lần mà giao nhiều lần, là không đúng với hợp đồng đã ký kết nên cũng có một phần lỗi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về số tiền 70.134.000 đồng, thấy rằng Công ty V đã tự nguyện bồi thường hơn 46 triệu đồng, là hợp tình hợp lý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối kháng cáo của bị đơn về khoản tiền phạt hợp đồng, thấy rằng Trung tâm P Vĩnh Long ra quyết định phạt Công ty V lần thứ hai sau khi ra thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty V là sai. Đối với khoản tiền thuê nhà trọ cho các hộ dân bằng 720.000.000 đồng, ông H là người đại diện hợp pháp của Công ty V đồng ý hỗ trợ khoản tiền này cho Trung tâm P Vĩnh Long nên phần kháng cáo này của Công ty V là không có căn cứ. Đối với khoản tiền phạt hợp đồng, Công ty V không từ chối thực hiện hợp đồng nên Tòa án sơ thẩm giao cho Trung tâm P Vĩnh Long được quản lý khoản tiền này, là không đúng theo Điều 8 của thỏa thuận hợp đồng số 57 nên phần kháng cáo này của Công ty V là có căn cứ. Riêng kháng cáo đề nghị xác định đây là vụ án dân sự, tính án phí sơ thẩm theo mức án phí dân sự, là không có căn cứ nên không chấp nhận phần kháng cáo này của Công ty V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo; bị đơn không rút đơn phản tố, không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

[1] Tòa án sơ thẩm xét xử buộc Công ty V có nghĩa vụ trả cho Trung tâm P Vĩnh Long số tiền bằng 11.883.213.378 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp đổi lần thứ 13, ngày 20-01-2017 thì Công ty V có hai thành viên góp vốn gồm ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn T. Tòa án sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai ông T để làm rõ việc thực hiện nghĩa vụ của công ty hay có tranh chấp về việc thanh toán khoản nợ giữa công ty với thành viên của công ty không, là thiếu sót. Bởi lẽ, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này và theo khoản 5 Điều 51 thì thành viên chỉ chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích

của công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

[2] Đối với khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền trượt giá vật tư, nhân công do lập lại dự toán phần khối lượng còn lại chưa thi công bằng 11.425.470.106 đồng: Người đại diện hợp pháp của Trung tâm P Vĩnh Long tính theo lũy kế toán học dựa trên giá trị của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL trừ đi giá trị công trình do Công ty V đã thi công, được nghiệm thu và được quyết toán; sau đó, căn cứ vào giá trị của hợp đồng sau trừ đi giá trị còn lại của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL để yêu cầu Công ty V bồi thường, là không đúng với điều khoản thỏa thuận hợp đồng. Bởi lẽ, theo thỏa thuận của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL trường hợp thay đổi chính sách về thuế, tiền lương, thay đổi giá vật liệu, nhiên liệu, vật tư, thiết bị hoặc thay đổi các chế độ chính sách mới làm thay đổi mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình thì A-B thiết kế thống nhất trình cơ quan chức năng phê duyệt điều chỉnh theo các chính sách kể từ thời điểm các chính sách này có hiệu lực, làm cơ sở pháp lý A-B ký kết phụ lục hợp đồng để thanh quyết toán khi bên B thực hiện đúng điều kiện theo quy định hợp đồng. Theo Điều 15 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL, hai bên thỏa thuận *“Nếu bên B thi công chậm trễ hoặc vi phạm quy trình quản lý chất lượng, bên A sẽ trình cấp có thẩm quyền cắt hợp đồng và điều động 01 đơn vị khác tới thi công, bên A sẽ thanh toán cho đơn vị mới giá trị thực hiện là giá dự toán theo đơn giá tại thời điểm và khấu trừ vào khối lượng của bên B đã thực hiện và bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”*. Thực tế, sau khi cắt hợp đồng với Công ty V thì Trung tâm P Vĩnh Long đã giao phần mặt bằng còn lại cho đơn vị khác thi công, công trình đã hoàn thành, được quyết toán và đưa vào sử dụng ngày 02-5-2013 (BL 2273, 2274). Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận phần yêu cầu này của Trung tâm P Vĩnh Long, là có căn cứ.

[3] Đối với khoản yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền thuê tư vấn kiểm định chất lượng thi công, thẩm tra lập lại dự toán bằng 70.134.000 đồng: Tại Điều 13 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL về hủy hợp đồng, hai bên đã thỏa thuận *“...Bên hủy hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường...”*. Thực tế, sau khi ký kết hợp đồng thì Trung tâm P Vĩnh Long bàn giao mặt bằng cho Công ty V 04 lần, đạt 86,39% so với diện tích gói thầu (BL 325 - 327); Công ty V đã thi công được 35,2% so với diện tích mặt bằng được bàn giao. Như vậy, cộng chung diện tích mặt bằng Công ty V đã thi công với diện tích mặt bằng Trung tâm P Vĩnh Long chưa bàn giao cho Công ty V là 48,81% (35,2% + 13,61% = 48,81%). Trung tâm P Vĩnh Long thuê Trung tâm Thẩm định - Kiểm định công trình giao thông vận tải Vĩnh Long thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình 100% diện tích gói thầu, là không đảm bảo công bằng giữa hai bên. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty V tự nguyện bồi thường cho Trung tâm P Vĩnh Long số tiền bằng 46.285.000 đồng, tương đương với tỷ lệ 65% trên tổng số tiền chi phí thuê kiểm định bằng 70.134.000 đồng, là đã có lợi cho Trung tâm P Vĩnh Long.

[4] Đối với khoản tiền phạt hợp đồng: Trung tâm P Vĩnh Long yêu cầu Công ty V nộp tiền phạt bằng 1.944.688.854 đồng. Theo Điều 17 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL, hai bên thỏa thuận *“Bên B vi phạm các điều kiện trong hợp đồng*

mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc do lỗi của bên A gây ra, bên B phải chịu phạt % giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Tổng số mức phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm theo quy định của Luật Xây dựng”. Thực tế Công ty V thi công không đúng tiến độ công trình, ngừng thi công không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, Trung tâm P Vĩnh Long ban hành quyết định xử phạt số 20/QĐ-TT ngày 11-8-2011, xử phạt lần thứ hai, số tiền phạt bằng 1.231.188.854 đồng, là sai trình tự về thời gian. Bởi lẽ, ngày 16-5-2011 Trung tâm P Vĩnh Long đã thông báo chấm dứt hợp đồng với Công ty V (BL 510), coi như kể từ ngày 16-5-2011 Công ty V không còn nghĩa vụ thi công công trình đã trúng thầu, chỉ còn nghĩa vụ lập các thủ tục thanh toán, quyết toán phần khối lượng công trình đã thi công. Cho nên, không thể căn cứ vào thông báo chấm dứt hợp đồng lần thứ hai ngày 12-8-2011 để ra quyết định xử phạt; quyết định xử phạt lần thứ hai ban hành trước thông báo chấm dứt hợp đồng lần thứ hai 01 ngày. Mặt khác, giữa Trung tâm P Vĩnh Long với Công ty V đang tranh chấp khoản tiền này, Tòa án đang giải quyết nhưng khi phê duyệt quyết toán khối lượng công trình do Công ty V đã thi công, Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long khấu trừ khoản tiền phạt hợp đồng vào giá trị khối lượng công trình Công ty V đã thi công là sai, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc Trung tâm P Vĩnh Long tính đủ khối lượng công trình Công ty V đã thi công với số tiền bằng 12.980.354.866 đồng cũng sai và không xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan chứng cứ của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V. Do đó, khi giải quyết lại vụ án cần khấu trừ số tiền phạt bằng 1.231.188.854 đồng vào khoản tiền Công ty V đã tạm ứng vượt.

[5] Đối với khoản tiền hỗ trợ thuê nhà trọ cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi công trình xây dựng: Hợp đồng số 57/HĐ.TCXL không có điều khoản nào quy định ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên đối với khoản tiền này; biên bản cuộc họp ngày 09-11-2010 không phải Phụ lục hợp đồng. Cho nên, Tòa án sơ thẩm buộc Công ty V có trách nhiệm chịu số tiền 720.000.000 đồng, là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V. Bởi lẽ, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Trung tâm P Vĩnh Long xác định các khoản bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư thuộc trách nhiệm chi trả của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình. Do đó, cần xác định Trung tâm P Vĩnh Long có quyền khởi kiện đòi Công ty V thanh toán khoản tiền này hay không.

[6] Đối với khoản tiền nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 1.277.669.000 đồng: Tại Điều 8 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL, hai bên đã thỏa thuận “*Bên B nộp cho bên A bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 3% giá trị hợp đồng ít nhất là 03 ngày trước khi ký hợp đồng; nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực*”. Thực tế Công ty V không từ chối thực hiện hợp đồng mà đã thi công được 35,2% trên 86,39% diện tích mặt bằng được bàn giao. Tòa án sơ thẩm xét xử giao khoản tiền này cho Trung tâm P Vĩnh Long, không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty V, là không đúng Điều 8 của hợp đồng số 57/HĐ.TCXL, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty V.

[7] Đối với khoản lãi suất: Trường hợp các đương sự tự thỏa thuận về mức lãi

suất và sự thỏa thuận đó không trái luật thì áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận. Nếu các đương sự không thỏa thuận được về mức lãi suất thì phải áp dụng mức lãi suất cho phù hợp với loại vụ án do Tòa án thụ lý giải quyết.

[8] Xét thấy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, là không có căn cứ.

[9] Xét thấy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm giải quyết lại, là có căn cứ.

[10] Xét thấy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, là không có căn cứ.

[11] Về án phí: Trung tâm P Vĩnh Long và Công ty V không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm được xác định lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/KDTM-ST ngày 24-10-2019 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm cho Trung tâm P Vĩnh Long bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), theo biên lai số 0006138 ngày 07-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm cho Công ty V bằng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), theo biên lai số 0006139 ngày 08-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Đối với tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đê